TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn
VIMCERTS064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 082/10-18

Mã mẫu: 1810N177 (053/10-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỦ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu : 11/10/2018 **Ngày trả kết quả**: 18/10/2018
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC1** Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,15	**6,5-8,5**
2	Mùi	-	APHA 2150B	Không có mùi lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B-2005	<0,1	**2**
4	Độ màu	Co-Pt	TCVN 6185-2008	3,54	**15**
5	Độ cứng	$mgCaCO_3/L$	SMEWW 2340C-2012	11,7	**300**
6	Sulfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500E-2012	KPH	**250**
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194-1996	11,6	**250-300**
8	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500B-2012	0,48	**0,3 - 0,5**
9	NO_3^-(theo N)	mg/L	TCVN 6180-1996	1,35	**50**
10	NO_2^-(theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH	**3**
11	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,053	**0,3**
12	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,029	**0,3**
13	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186-1996	0,16	**2**
14	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	KPH	**0**
15	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2-1996	KPH	**0**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện
***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG ★ Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn
VIMCERTS064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 083/10-18

Mã mẫu: 1810N178 (053/10-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỦ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu : 11/10/2018 **Ngày trả kết quả**: 18/10/2018
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC2** Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,21	**6,5-8,5**
2	Mùi	-	APHA 2150B	Không có mùi lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B-2005	<0,1	**2**
4	Độ màu	Co-Pt	TCVN 6185-2008	3,84	**15**
5	Độ cứng	$mgCaCO_3/L$	SMEWW 2340C-2012	12,5	**300**
6	Sulfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500E-2012	KPH	**250**
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194-1996	10,3	**250-300**
8	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500B-2012	0,45	**0,3 - 0,5**
9	NO_3^-(theo N)	mg/L	TCVN 6180-1996	1,23	**50**
10	NO_2^-(theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH	**3**
11	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,041	**0,3**
12	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,033	**0,3**
13	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186-1996	0,25	**2**
14	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	KPH	**0**
15	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2-1996	KPH	**0**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện
***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn
VIMCERTS064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 084/10-18

Mã mẫu: 1810N179 (053/10-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỦ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 11/10/2018 **Ngày trả kết quả**: 18/10/2018

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC3** Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,12	**6,5-8,5**
2	Mùi	-	APHA 2150B	Không có mùi lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B-2005	<0,1	**2**
4	Độ màu	Co-Pt	TCVN 6185-2008	3,21	**15**
5	Độ cứng	$mgCaCO_3/L$	SMEWW 2340C-2012	14,8	**300**
6	Sulfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500E-2012	KPH	**250**
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194-1996	12,7	**250-300**
8	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500B-2012	0,43	**0,3 - 0,5**
9	NO_3^-(theo N)	mg/L	TCVN 6180-1996	0,852	**50**
10	NO_2^-(theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH	**3**
11	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,038	**0,3**
12	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,023	**0,3**
13	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186-1996	0,19	**2**
14	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	KPH	**0**
15	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2-1996	KPH	**0**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn
VIMCERTS064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 085/10-18

Mã mẫu: 1810N180 (053/10-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC SƯ ĐOÀN 9 VÀ KDC
Ngày lấy (nhận) mẫu : 11/10/2018 **Ngày trả kết quả**: 18/10/2018
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC4** Tại trạm bơm

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,16	**6,5-8,5**
2	Mùi	-	APHA 2150B	Không có mùi lạ	**Không có mùi, vị lạ**
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B-2005	<0,1	**2**
4	Độ màu	Co-Pt	TCVN 6185-2008	3,72	**15**
5	Độ cứng	$mgCaCO_3/L$	SMEWW 2340C-2012	13,5	**300**
6	Sulfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500E-2012	KPH	**250**
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194-1996	9,59	**250-300**
8	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500B-2012	0,41	**0,3 - 0,5**
9	NO_3^-(theo N)	mg/L	TCVN 6180-1996	1,63	**50**
10	NO_2^-(theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	KPH	**3**
11	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,045	**0,3**
12	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	0,042	**0,3**
13	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186-1996	0,37	**2**
14	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-1-2009	KPH	**0**
15	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2-1996	KPH	**0**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện
***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN